

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn, lộ trình chuyển đổi đối với công nghệ được chuyển đổi và điều kiện, định mức, đơn giá, giá đặt hàng liên quan đến khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt hàng bổ sung đối với các nhà đầu tư dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt chuyển đổi công nghệ hiện hữu sang công nghệ có thu hồi năng lượng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 6123/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự thảo Nghị quyết Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn, lộ trình chuyển đổi đối với công nghệ được chuyển đổi và điều kiện, định mức, đơn giá, giá đặt hàng liên quan đến khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt hàng bổ sung đối với các nhà đầu tư dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt chuyển đổi công nghệ hiện hữu sang công nghệ có thu hồi năng lượng; Báo cáo thẩm tra số 1157/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, lộ trình chuyển đổi đối với công nghệ được chuyển đổi và điều kiện, định mức, đơn giá, giá đặt hàng liên quan đến khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt hàng bổ sung đối với những nhà đầu tư đang thực hiện dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tự nguyện chuyển đổi toàn bộ công nghệ của dự án sang xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, nhà đầu tư đã được ký kết Hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt với Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày Nghị quyết số 98/2023/QH15 có hiệu lực thi hành và tự nguyện chuyển đổi công nghệ để xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt theo Hợp đồng hiện hữu và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt hàng bổ sung sang công nghệ có thu hồi năng lượng.

b) Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Tiêu chí chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng

1. Tiêu chí về công nghệ

a) Công nghệ áp dụng là công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng; có khả năng xử lý mùi, khí thải, nước rỉ rác và các loại chất thải thứ cấp phát sinh trong quá trình xử lý; có thể linh hoạt trong kết hợp các công nghệ khác nhau (sản xuất compost, tái chế chất thải, khí hóa và các công nghệ tiên tiến, hiện đại khác) với công nghệ xử lý có thu hồi năng lượng; có khả năng mở rộng công suất; có khả năng tiếp nhận, xử lý chất thải rắn sinh hoạt chưa được phân loại hoặc đã được phân loại tại nguồn theo lộ trình triển khai chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Công nghệ đề xuất áp dụng của dự án là công nghệ đã được chuyển giao, mua bán và áp dụng trên thực tế, thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được thực hiện trong và ngoài nước.

c) Dây chuyền công nghệ trong dự án phải có nguồn gốc, xuất xứ thuộc các nước phát triển, có cam kết hoặc xác nhận công nghệ của bên sở hữu công nghệ hoặc bên cung cấp chuyển giao công nghệ.

d) Công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có mức độ tiên tiến để đạt trong khoảng: với tỷ lệ xỉ tro đáy phát sinh sau quá trình đốt thấp hơn 20%, ưu tiên thấp hơn 15% và với tỷ lệ tro bay thấp hơn 5%, ưu tiên thấp hơn 3% so với tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đưa vào xử lý tại nhà máy.

đ) Công nghệ và giải pháp xử lý khối lượng chất thải còn lại sau quá trình đốt phải phù hợp quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành.

e) Dây chuyền công nghệ được thiết lập và vận hành với tỷ lệ tự động hóa từ 80% trở lên. Nhà đầu tư phải có phương án nâng cấp, cải tạo công nghệ trước khi kết thúc thời gian chu trình vòng đời công nghệ được chuyển giao.

2. Tiêu chí về trang thiết bị, máy móc

a) Hệ thống máy móc, thiết bị, công cụ, phương tiện trong dây chuyền công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng được đưa vào sử dụng trong dự án phải đồng bộ, bảo đảm mới 100% và được chế tạo, sản xuất trong vòng 03 năm gần đây; các hạng mục trong hồ sơ, quy trình công nghệ có trong thiết kế phải được bố trí, lắp đặt, kết nối nhằm đảm bảo vận hành thường xuyên, liên tục, ổn định, hiệu quả.

b) Nhà đầu tư phải bảo đảm các loại linh kiện, thiết bị, phụ tùng thay thế luôn trong tình trạng sẵn có trong suốt thời gian hoạt động của dự án chuyển đổi công nghệ. Dây chuyền máy móc, thiết bị thay thế trong trường hợp này phải đáp ứng theo quy mô, công suất theo Giấy chứng nhận đầu tư và các quy định tại Điều này.

c) Nhà đầu tư phải có phương án nâng cấp, cải tạo máy móc, thiết bị trước khi hết thời gian khấu hao và bảo đảm nhà máy xử lý luôn được vận hành thường xuyên, liên tục và ổn định trong 24/24 giờ.

d) Toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị, dây chuyền hoạt động của dự án được tính toán khấu hao theo quy định pháp luật hiện hành và không vượt quá thời gian chu trình vòng đời công nghệ được chuyển giao. Việc tính toán thời gian chu trình vòng đời công nghệ được xác định căn cứ theo nhà sản xuất phát triển công nghệ hoặc bên cung cấp chuyển giao công nghệ nhưng không được vượt quá thời gian của Hợp đồng hoặc Phụ lục Hợp đồng chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án chuyển đổi công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Tiêu chí về môi trường và xã hội

a) Hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi chuyển đổi đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

b) Có hệ thống thu hồi năng lượng trong quá trình xử lý để phát điện và nhà đầu tư tự thực hiện đầu tư và quản lý vận hành các công trình lưới điện thoả thuận đầu nối, truyền tải công suất các nhà máy vào lưới điện khu vực, phù hợp quy hoạch mạng lưới điện.

c) Thông tin, dữ liệu về điều kiện vận hành, sự cố kỹ thuật và môi trường, quan trắc môi trường, kiểm soát xử lý ô nhiễm diễn ra trong quá trình hoạt động của dự án được lưu giữ dưới dạng số một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng, có hệ thống

và sẵn sàng truy xuất được khi có yêu cầu của cơ quan chức năng. Thời gian yêu cầu lưu giữ được thực hiện trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

d) Có kế hoạch và phương án bảo đảm phòng ngừa, ứng phó và khắc phục trong trường hợp xảy ra các sự cố; có phương án tổ chức vận hành nhà máy bảo đảm liên tục, ổn định (kể cả trong thời gian bảo dưỡng, bảo trì hệ thống hoặc xảy ra sự cố).

đ) Khi nhà máy được chính thức vận hành, nhà đầu tư có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước để kiểm tra, rà soát, đánh giá quy trình công nghệ, trang thiết bị của nhà máy để nâng cấp, cải tạo công nghệ, thiết bị nhằm đảm bảo nhà máy luôn được vận hành an toàn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

e) Đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của địa phương trong giai đoạn xây dựng, vận hành thiết bị, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị.

g) Tiết kiệm diện tích sử dụng đất: nhà đầu tư trong quá trình lập dự án đầu tư chuyển đổi công nghệ từ chôn lấp hợp vệ sinh sang công nghệ có thu hồi năng lượng cần đánh giá lại nhu cầu sử dụng đất đã được giao trong Hợp đồng cũ trước đây và có đề xuất phương án sử dụng đất hợp lý cho dự án chuyển đổi công nghệ.

4. Tiêu chí về kinh tế:

a) Chi phí xử lý phù hợp với khả năng chi trả của Thành phố hoặc không vượt quá mức chi phí xử lý được cơ quan có thẩm quyền công bố.

b) Khả năng tiêu thụ sản phẩm từ hoạt động tái chế chất thải.

c) Tiềm năng và giá trị kinh tế mang lại từ việc tái sử dụng chất thải, năng lượng và các sản phẩm có ích được tạo ra sau xử lý.

d) Nhu cầu thị trường; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm sau khi xử lý được áp dụng.

đ) Tính phù hợp trong chi phí xây dựng và lắp đặt thiết bị; chi phí vận hành; chi phí bảo dưỡng, sửa chữa.

5. Tiêu chí khác

a) Thực hiện phương án thiết kế, thi công xây dựng nhà máy đảm bảo các điều kiện để được nghiệm thu hoàn thành công trình và được cơ quan có thẩm quyền ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, phương án thiết kế nhà máy đảm bảo các tiêu chí về xây dựng theo quy định pháp luật hiện hành và đảm bảo kín

(áp suất âm thu khí, xử lý mùi hôi và các yếu tố khác có liên quan), các công trình trực tiếp tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, các hạng mục công trình có phát sinh mùi đều phải có thiết kế kín, không phát sinh mùi hôi; có phương án giảm âm chất thải rắn sinh hoạt hiệu quả để tối ưu hóa quá trình xử lý nhiệt và đốt.

b) Nhà đầu tư phải đảm bảo việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống theo nguyên tắc nhà máy được vận hành liên tục, ổn định nhà máy xử lý trong thời gian đặt hàng và chỉ được ngưng hoạt động khi được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Tiêu chuẩn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng

1. Công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành, trong đó: nước thải, khí thải, chất thải rắn, tiếng ồn, độ rung và các chất thải thứ cấp khác phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy phải được xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành quy định theo khung tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật định hướng tại phụ lục ban hành kèm Nghị quyết này.

2. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết nếu cấp thẩm quyền ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường (nếu có) thay thế, bổ sung hoặc đồng ý cho áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế thì Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quyết định áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế cho dự án theo quy định pháp luật hiện hành tại thời điểm phê duyệt đề xuất dự án hoặc dự án đầu tư.

3. Thực hiện quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục theo quy định pháp luật hiện hành và đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 4. Lộ trình thực hiện chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng

Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện các thủ tục pháp lý để đầu tư, xây dựng, đưa dự án chuyển đổi công nghệ đi vào vận hành đúng theo quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng không được quá thời gian 03 năm kể từ thời điểm được Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định (Phụ lục Hợp đồng ghi nhớ hoặc Phụ lục Hợp đồng nguyên tắc) đặt hàng bổ sung khối lượng chất thải rắn sinh hoạt để chuyển đổi công nghệ xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt theo Hợp đồng hiện hữu và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được

đặt hàng bổ sung sang công nghệ có thu hồi năng lượng.

Điều 5. Điều kiện đặt hàng bổ sung khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

Ủy ban nhân dân Thành phố đặt hàng bổ sung khối lượng chất thải rắn sinh hoạt cho nhà đầu tư tự nguyện chuyển đổi công nghệ để xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt theo Hợp đồng hiện hữu và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt hàng bổ sung sang công nghệ có thu hồi năng lượng, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

1. Nhà đầu tư đang thực hiện dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được ký kết Hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt với Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày Nghị quyết số 98/2023/QH15 có hiệu lực thi hành và tự nguyện chuyển đổi công nghệ để xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt theo Hợp đồng hiện hữu và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt hàng bổ sung sang công nghệ có thu hồi năng lượng.
2. Nhà đầu tư có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt.
3. Nhà đầu tư có những tài liệu để chứng minh hoặc cam kết đáp ứng các yêu cầu về tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết này.
4. Nhà đầu tư có tài liệu cam kết thực hiện các quy định về định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá, giá đặt hàng xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi chuyển đổi công nghệ được quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết này; đồng thời cam kết quản lý, trả chi phí để tái sử dụng, tái chế, xử lý các loại xỉ tro đáy, tro bay và các loại chất thải thứ cấp khác phát sinh trong quá trình vận hành nhà máy đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường và tuân thủ quy định pháp luật.
5. Nhà đầu tư thực hiện dự án chuyển đổi công nghệ trên vị trí khu đất được nhà nước giao đất trong các Khu liên hợp xử lý chất thải rắn của Thành phố.
6. Nhà đầu tư có tài liệu chứng minh, cam kết thực hiện các thủ tục để được cơ quan có thẩm quyền cấp Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ, trong đó cung cấp tài liệu chứng minh nhà đầu tư có tỷ lệ vốn góp của chủ sở hữu để đầu tư dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư dự án và các tài liệu chứng minh nhà đầu tư có khả năng huy động được số vốn đầu tư còn lại (có thể huy động vốn, được tài trợ từ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân hoặc các hình thức hợp tác (không hình thành pháp nhân mới), huy động vốn khác phù hợp quy định pháp luật).

7. Nhà đầu tư cam kết ký quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng văn bản bảo lãnh ngân hàng, trừ trường hợp dự án phải thực hiện nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư. Mức ký quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng được xác định theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

8. Nhà đầu tư phải xây dựng kế hoạch thực hiện đầu tư dự án theo lộ trình quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này, trong đó cam kết tiến độ thực hiện từng nội dung công việc và đề xuất mức chế tài tương ứng với từng nội dung công việc đã được cam kết tiến độ. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mức chế tài cụ thể đối với từng nội dung công việc đã được cam kết tại khoản 8 này để đưa vào nội dung Hợp đồng hoặc Phụ lục hợp đồng chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

9. Thời gian đặt hàng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho nhà đầu tư thực hiện chuyển đổi công nghệ theo thời hạn hoạt động còn lại của dự án, được tính từ ngày ký Hợp đồng hoặc Phụ lục Hợp đồng chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đến ngày hết thời hạn hoạt động của dự án được quy định trong Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án chuyển đổi công nghệ.

Điều 6. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng được căn cứ vào quy trình công nghệ cụ thể của từng nhà máy sẽ được nhà đầu tư hoàn chỉnh và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt sau khi nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng đi vào vận hành.

2. Trong vòng 02 năm đầu tiên kể từ ngày vận hành nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng, căn cứ quy định về xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 hoặc các quy định thay thế (nếu có), nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn chỉnh định mức dự toán công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt để làm cơ sở xây dựng, tính toán đơn giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

Điều 7. Đơn giá, giá đặt hàng xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi chuyển đổi công nghệ

1. Đơn giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi chuyển đổi công nghệ do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt trên nguyên tắc như sau:

a) Đơn giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt nêu trên được xác định theo công thức sau:

$$G_{XLCTR} = Z_{TB} + (Z_{TB} \times P)$$

Trong đó:

- G_{XLCTR} : là giá dịch vụ xử lý 01 tấn chất thải rắn sinh hoạt chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Đơn vị: đồng.

- Z_{TB} : là giá thành toàn bộ để xử lý 01 tấn chất thải rắn sinh hoạt. Đơn vị: đồng.

- P là tỷ lệ lợi nhuận (%): không quá 5%.

b) Giá thành toàn bộ để xử lý 01 tấn chất thải rắn sinh hoạt (Z_{TB}) được xác định theo công thức sau:

$$Z_{TB} = \frac{C_T - C_D}{Q}$$

Trong đó:

- Z_{TB} : là giá thành toàn bộ để xử lý 01 tấn chất thải rắn sinh hoạt. Đơn vị: đồng.

- C_D : là tổng doanh thu từ việc bán các sản phẩm được tạo ra từ công nghệ chuyển đổi (điện, sản phẩm tái chế và các sản phẩm khác), được xác định trên cơ sở quy định hiện hành (nếu có) và tham khảo giá thực tế sản phẩm trên thị trường. Đơn vị: đồng.

- Q : là tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt xử lý trong thời gian dự án. Đơn vị: tấn.

- C_T : là chi phí đầu tư, xây dựng và vận hành dự án; được xác định trên cơ sở báo cáo đề xuất đầu tư dự án được phê duyệt và Hợp đồng EPC (nếu có). Nhà đầu tư căn cứ các quy định tại khoản 2 Điều này để xác định một số yếu tố liên quan đến việc xây dựng đơn giá xử lý của dự án. Đơn vị: đồng.

c) Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho các sở ngành liên quan phối hợp với nhà đầu tư căn cứ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này và các quy định hiện hành để xây dựng, thẩm định đơn giá cụ thể cho việc đặt hàng cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tùy theo quy trình công nghệ khi chuyển đổi công nghệ (trừ trường hợp nhà đầu tư đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đơn giá xử lý chuyển đổi công nghệ trước ngày Nghị quyết số 98/2023/QH15 có hiệu lực thi hành) làm cơ sở trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, đàm phán với nhà đầu tư nhưng không được vượt quá đơn giá 550.000 đồng/tấn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

d) Giá đặt hàng để xử lý một tấn chất thải rắn sinh hoạt đạt quy chuẩn

môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều này không được vượt quá 550.000 đồng/tấn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) là đơn giá sử dụng để ký Hợp đồng hoặc Phụ lục Hợp đồng đặt hàng và thanh toán cho các đơn vị thực hiện chuyển đổi công nghệ để tiếp nhận, xử lý chất thải rắn sinh hoạt kể từ ngày vận hành nhà máy chuyển đổi công nghệ cho đến khi giá đặt hàng chính thức quy định tại khoản 3 Điều này được phê duyệt.

2. Các yếu tố liên quan để xây dựng đơn giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi chuyển đổi công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này, bao gồm:

a) Tổng mức đầu tư của dự án được cơ quan thẩm quyền phê duyệt (cụ thể cho từng hạng mục tính toán tổng mức đầu tư theo quy định).

b) Cơ cấu vốn của dự án gồm vốn chủ sở hữu không thấp hơn 20%, căn cứ theo Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chủ trương đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ được cơ quan có thẩm quyền cấp.

c) Chi phí khấu hao, sửa chữa tài sản cố định, máy móc thiết bị và chi phí dự phòng trong tổng mức đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành.

d) Chi phí vật tư: chi phí của các vật tư sử dụng trực tiếp trong quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt được xác định bằng tổng khối lượng của từng loại vật tư nhân (x) với đơn giá vật tư tương ứng.

đ) Chi phí tiền lương, tiền công được xác định bằng số lượng ngày công theo định mức hao phí nhân công trực tiếp cho công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công bố nhân (x) với đơn giá ngày công tương ứng. Đơn giá ngày công của công nhân trực tiếp thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt xác định theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân Thành phố). Trường hợp chưa có định mức hao phí nhân công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công bố, đơn vị lập phương án giá tổ chức xác định hao phí nhân công hợp lý làm cơ sở để xác định chi phí nhân công khi lập phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

e) Lãi suất vay và thời hạn vay được áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành về tín dụng đầu tư của nhà nước.

g) Tỷ lệ thu hồi sản phẩm trong quá trình xử lý: điện năng để phát điện từ hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng được xác định với định mức tối thiểu là 20 MW/1.000 tấn chất thải rắn sinh hoạt; các sản phẩm khác như: compost, nhựa, phế liệu và các sản phẩm có khả năng tái sử dụng, tái chế (nếu có) được căn cứ theo công nghệ xử lý, quy mô của dự án.

h) Giá bán điện được xác định theo các quy định hiện hành. Giá bán các sản phẩm khác trong quá trình xử lý căn cứ theo thực tế.

i) Tỷ lệ xỉ tro đáy phát sinh sau quá trình đốt thấp hơn 20%, ưu tiên thấp hơn 15% và tỷ lệ tro bay thấp hơn 5%, ưu tiên thấp hơn 3% so với tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được vận chuyển đến xử lý tại nhà máy.

k) Tỷ lệ tự động hóa của dây chuyền công nghệ từ 80% trở lên.

l) Chi phí kiểm định, quan trắc môi trường; chi phí thuê mặt bằng phục vụ sản xuất (nếu có); chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác được tính vào giá thành theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật đã được phê duyệt, nhà đầu tư lập phương án giá trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Giá. Sau 02 năm đầu tiếp nhận, xử lý chất thải rắn sinh hoạt kể từ ngày vận hành nhà máy chuyển đổi công nghệ, nhà đầu tư thuê tổ chức kiểm toán độc lập có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện việc kiểm toán giá trị vốn đầu tư xây dựng công trình dự án. Trên cơ sở số liệu quyết toán, kết quả kiểm toán và định mức đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, thẩm định lại giá đặt hàng xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định pháp luật hiện hành nhưng không được vượt quá đơn giá 550.000 đồng/tấn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) và giá tối đa theo phương án giá được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Giá để làm cơ sở phê duyệt, đàm phán và điều chỉnh Phụ lục Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt với nhà đầu tư. Giá đặt hàng chính thức quy định tại khoản 3 này được áp dụng kể từ khi các nhà máy hoàn thành và bắt đầu đưa vào vận hành.

4. Đơn giá, giá đặt hàng để xử lý một tấn chất thải rắn sinh hoạt khi chuyển đổi công nghệ đạt quy chuẩn môi trường quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này là đơn giá đã bao gồm chi phí khấu hao máy, thiết bị, tài sản cố định (nếu có); các công tác xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình vận hành tại nhà máy (xử lý nước thải, khí thải, các loại tro sau quá trình đốt, chất thải nguy hại, các sản phẩm thứ cấp khác phát sinh trong quá trình vận hành dự án); có tính đến việc trừ doanh thu do nhà đầu tư thu được khi bán các sản phẩm được tạo ra khi thực hiện chuyển đổi công nghệ như: điện, sản phẩm tái chế (nếu có) và chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

5. Trong trường hợp cần thiết khi có sự thay đổi của các yếu tố về tiền lương, định mức, nhiên liệu hoặc các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đặt hàng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi chuyển đổi công nghệ, Ủy ban

nhân dân Thành phố và nhà đầu tư thỏa thuận điều chỉnh giá đặt hàng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi chuyển đổi công nghệ định kỳ 03 năm/lần hoặc khi có tác động đột biến đến chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Đơn giá này được căn cứ theo thực tế và quy định hiện hành tại thời điểm xét điều chỉnh giá và được cao hơn đơn giá quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 của Điều này.

Điều 8. Nguồn kinh phí

1. Nhà đầu tư tự đảm bảo nguồn vốn đầu tư, xây dựng và vận hành dự án chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Kinh phí dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được chi từ nguồn kinh phí dịch vụ vệ sinh môi trường thuộc ngân sách Thành phố để thanh toán, chi trả cho việc thực hiện cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt hàng tháng của nhà đầu tư chuyển đổi công nghệ theo đơn giá được quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo công khai, minh bạch để xem xét, quyết định đặt hàng bổ sung khối lượng chất thải rắn sinh hoạt cho nhà đầu tư tự nguyện chuyển đổi công nghệ để xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt theo Hợp đồng hiện hữu và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt hàng bổ sung sang công nghệ có thu hồi năng lượng khi nhà đầu tư có những tài liệu để chứng minh, cam kết đáp ứng các yêu cầu về tiêu chí, tiêu chuẩn, lộ trình, điều kiện, định mục, đơn giá, giá đặt hàng xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi chuyển đổi công nghệ theo quy định của Nghị quyết này.

Trên cơ sở được đặt hàng bổ sung khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, nhà đầu tư tiến hành các thủ tục pháp lý, đầu tư xây dựng nhà máy theo quy định pháp luật. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức kiểm soát chặt chẽ tiến độ thực hiện dự án chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt của nhà đầu tư.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời báo cáo, trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ